

DANH SÁCH**Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030***(Kèm Quyết định số 803/QĐ-BDTTG ngày 20 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)***10. THÀNH PHỐ QUẢNG NINH**

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng	190	171	147	0
1	Xã Kỳ Thượng	6	6	6	0
1		Thôn Đồng Tiến	x	x	
2		Thôn Thanh Lâm	x	x	
3		Thôn Bắc Lương	x	x	
4		Thôn Đạp Thanh	x	x	
5		Thôn Hồng Tiến	x	x	
6		Thôn Kỳ Sơn	x	x	
2	Đặc khu Vân Đồn	22	7	22	0
1		Thôn Đoàn Kết 1	x	x	
2		Thôn Đoàn Kết 2	x	x	
3		Thôn Bình Dân	x	x	
4		Thôn Đài Xuyên	x	x	
5		Thôn Vạn Yên 1	x	x	
6		Thôn Vạn Yên 2	x	x	
7		Khu phố Hạ Long 1		x	
8		Khu phố Hạ Long 2		x	
9		Khu phố Hạ Long 3		x	
10		Khu phố Hạ Long 4		x	
11		Khu phố Cái Rồng 1		x	
12		Khu phố Cái Rồng 2		x	
13		Khu phố Cái Rồng 3		x	
14		Khu phố Đông Xá 1		x	
15		Khu phố Đông Xá 2		x	
16		Khu phố Đông Xá 3	x	x	
17		Khu phố Đông Xá 4		x	
18		Thôn Bản Sen 1		x	
19		Thôn Bản Sen 2		x	
20		Thôn Quan Lạn 3		x	
21		Thôn Thắng Lợi		x	
22		Thôn Ngọc Vũng		x	
3	Phường Hoàn Bồ	4	4	2	0
1		Thôn 9	x		
2		Thôn 10	x		
3		Thôn 11	x	x	
4		Thôn 12	x	x	
4	Xã Diên Xá	7	7	7	0
1		Thôn Hà Lâm	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
2		Thôn Hà Lâu	x	x	
3		Thôn Bắc Lù	x	x	
4		Thôn Tiên Hải	x	x	
5		Thôn Chiến Thắng	x	x	
6		Thôn Đồng Tâm	x	x	
7		Thôn Yên Than	x	x	
5	Xã Đông Ngũ	11	11	4	0
1		Thôn Đông Ngũ	x		
2		Thôn Đông Nam	x		
3		Thôn Đông Thắng	x		
4		Thôn Bình Sơn	x	x	
5		Thôn Đồng Mộc	x	x	
6		Thôn Đông Hải	x		
7		Thôn Hà Trảng	x		
8		Thôn Hội Phố	x		
9		Thôn Đông Thành	x		
10		Thôn Đại Dực	x	x	
11		Thôn Đại Thành	x	x	
6	Xã Hải Ninh	2	1	2	0
1		Thôn 5	x	x	
2		Thôn 3		x	
7	Phường Yên Tử	4	3	4	0
1		Khu phố Khe Sủ	x	x	
2		Khu phố Năm Mẫu	x	x	
3		Thôn Đồng Chanh	x	x	
4		Khu phố Cửa Ngăn		x	
8	Xã Hải Hòa	3	3	3	0
1		Thôn Cẩm Hải	x	x	
2		Thôn Hà Thành	x	x	
3		Thôn Cộng Hòa	x	x	
9	Xã Lương Minh	7	7	7	0
1		Thôn Tân Ốc 1	x	x	
2		Thôn Tân Ốc 2	x	x	
3		Thôn Khe Càn	x	x	
4		Thôn Phú Liên	x	x	
5		Thôn Lương Mông	x	x	
6		Thôn Bình An	x	x	
7		Thôn Minh Cầm	x	x	
10	Xã Ba Chẽ	16	16	16	0
1		Thôn Bình Minh	x	x	
2		Thôn Thanh Sơn	x	x	
3		Thôn Sơn Hải	x	x	
4		Thôn Làng Mới	x	x	
5		Thôn Nam Sơn	x	x	
6		Thôn Tân Sơn	x	x	
7		Thôn Nà Làng	x	x	
8		Thôn Tàu Tiên	x	x	
9		Thôn Làng Cồ	x	x	
10		Thôn Đồn Đặc	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
11		Thôn Tân Tiến	x	x	
12		Thôn Nam Kim	x	x	
13		Thôn Đoàn Kết	x	x	
14		Thôn Hải Chi	x	x	
15		Thôn Thống Nhất	x	x	
16		Thôn Trường Sơn	x	x	
11	Xã Đường Hoa	7	7	6	0
1		Thôn Pạc Sủi	x	x	
2		Thôn Trúc Bài Sơn	x	x	
3		Thôn Quảng Sơn	x	x	
4		Thôn Tài Chi	x	x	
5		Thôn Trúc Khê	x	x	
6		Thôn Cái Lắm	x	x	
7		Thôn Đại Hoàng	x		
12	Xã Lục Hồn	11	11	11	0
1		Thôn Nà Luông	x	x	
2		Thôn Bản Pát	x	x	
3		Thôn Ngàn Phe	x	x	
4		Thôn Bản Chuổng	x	x	
5		Thôn Ngàn Mèo	x	x	
6		Thôn Lục Nà	x	x	
7		Thôn Cao Thắng	x	x	
8		Thôn Nà Áng	x	x	
9		Thôn Phiêng Sáp	x	x	
10		Thôn Đồng Tâm	x	x	
11		Thôn Ngàn Vàng	x	x	
13	Phường Hà Tu	1	1	0	0
1		Khu phố 2	x		
14	Phường Vàng Danh	2	1	2	0
1		Khu phố Vàng Danh 4	x	x	
2		Khu phố Vàng Danh 5		x	
15	Xã Quảng La	6	6	6	0
1		Thôn Quảng La 1	x	x	
2		Thôn Quảng La 2	x	x	
3		Thôn Tân Dân 1	x	x	
4		Thôn Tân Dân 2	x	x	
5		Thôn Bằng Cả	x	x	
6		Thôn Dân Chủ	x	x	
16	Xã Thống Nhất	7	7	5	0
1		Thôn Đá Trắng	x	x	
2		Thôn Khe Khoai	x		
3		Thôn Đồng Chùa	x	x	
4		Thôn Vũ Oai	x		
5		Thôn Hòa Bình	x	x	
6		Thôn Đồng Quặng	x	x	
7		Thôn Đồng Trà	x	x	
17	Xã Hải Lạng	5	5	0	0
1		Thôn Hà Dong	x		
2		Thôn Thống Nhất	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
3		Thôn Trường Tùng	x		
4		Thôn Trường Tiên	x		
5		Thôn Đồng Rui 2	x		
18	Xã Bình Liêu	14	14	14	0
1		Thôn Nà Làng	x	x	
2		Thôn Bình Công	x	x	
3		Thôn Ngân Chi	x	x	
4		Thôn Co Nhan	x	x	
5		Thôn Bình Quyền	x	x	
6		Thôn Khe Vằn	x	x	
7		Thôn Nà Éch	x	x	
8		Thôn Bản Ngà	x	x	
9		Thôn Tùng Cầu	x	x	
10		Thôn Khe Lánh	x	x	
11		Thôn Pò Đán	x	x	
12		Thôn Pắc Liềng	x	x	
13		Thôn Nà Phạ	x	x	
14		Thôn Bình Đẳng	x	x	
19	Phường Mông Dương	3	3	3	0
1		Thôn Đồng Mỏ	x	x	
2		Thôn Dương Huy 1	x	x	
3		Thôn Dương Huy 2	x	x	
20	Xã Quảng Hà	4	4	1	0
1		Khu phố Quảng Phong	x		
2		Khu phố Quảng Thắng	x		
3		Thôn Quảng Vãn	x	x	
4		Thôn Bảy Cửa	x		
21	Xã Tiên Yên	8	8	0	0
1		Khu phố Tam Thịnh	x		
2		Khu phố Tiên Lãng	x		
3		Khu phố Đồng Châu	x		
4		Khu phố Hòa Bình	x		
5		Khu phố Thống Nhất	x		
6		Thôn Đồng Đình	x		
7		Thôn Phong Dụ	x		
8		Thôn Văn Mây	x		
22	Phường Cửa Ông	2	2	0	0
1		Khu phố Cẩm Phú 4	x		
2		Khu phố Cẩm Thịnh 2	x		
23	Xã Đàm Hà	6	6	0	0
1		Thôn Bình Nguyên	x		
2		Thôn Tân Bình	x		
3		Thôn Bình Hải	x		
4		Thôn Đại Bình	x		
5		Thôn Tân Lập	x		
6		Thôn Hà Lai	x		
24	Xã Quảng Đức	7	6	7	0
1		Thôn 3	x	x	
2		Thôn Hải Thành		x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
3		Thôn Hải Đông	x	x	
4		Bản Bắc Phong Sinh	x	x	
5		Bản Chấn Mùi	x	x	
6		Bản Tấn Mai	x	x	
7		Bản Nà Lý	x	x	
25	Xã Hải Sơn	3	3	3	0
1		Thôn Thán Phún	x	x	
2		Thôn Pò Hèn	x	x	
3		Thôn Lục Phủ	x	x	
26	Xã Hoành Mô	6	6	6	0
1		Thôn Cửa Khâu	x	x	
2		Thôn Đồng Cậm	x	x	
3		Thôn Nà Pò	x	x	
4		Thôn Đồng Văn	x	x	
5		Thôn Sông Moóc	x	x	
6		Thôn Phai Lầu	x	x	
27	Phường Bình Khê	3	3	0	0
1		Khu phố Phú Ninh	x		
2		Khu phố Trảng Lương	x		
3		Khu phố Đông Sơn	x		
28	Xã Quảng Tân	13	13	10	0
1		Thôn Tân Thanh	x	x	
2		Thôn Đồng Tâm	x		
3		Thôn Đông Thành	x	x	
4		Thôn Đông	x		
5		Thôn Trung Sơn	x		
6		Thôn Lý A Coong	x	x	
7		Thôn Châu Hà	x	x	
8		Thôn An Sơn	x	x	
9		Thôn Nà Pá	x	x	
10		Thôn Nà Cáng	x	x	
11		Bản Lý Sáy	x	x	
12		Bản Thanh Lâm	x	x	
13		Bản Thanh Bình	x	x	